

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 – VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2026/DS-ST
Ngày: 29-4-2026
“V/v Tranh chấp hợp đồng
Vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Gân.

2. Bà Thi Thị Thanh Trúc.

Thư ký phiên tòa: Ông Dương Khởi - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10
– Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Vĩnh Long không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 29 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 632/2025/TLST-DS, ngày 27 tháng 11 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 157/2026/QĐXXST-DS, ngày 31 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N1. Địa chỉ: Số B L, Phường G, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện cho Ngân hàng N1 là ông Nguyễn Hữu T – Giám đốc Ngân hàng N1 – Chi nhánh C2. Theo văn bản ủy quyền số 2665/QĐ-NHNo, ngày 01/12/2022 của Tổng Giám đốc Ngân hàng N1.

Địa chỉ: số C, đường B, ấp E, xã C, tỉnh Vĩnh Long

Ông Nguyễn Hữu T ủy quyền cho ông Trần Hải Đ tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền số 40/NHNo.CTH-KH, ngày 27 tháng 5 năm 2025 (Có mặt)

Bị đơn: Bà Sơn Thị C, sinh năm 1960.

Địa chỉ: ấp Ô, xã H, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Thạch Thị Mỹ N, sinh năm 1984.
Địa chỉ: ấp Ô, xã H, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản khai của Ngân hàng N1 có ý kiến trình bày và

yêu cầu như sau:

Vào ngày 24 tháng 02 năm 2022 Ngân hàng có cho bà Sơn Thị C vay và con bà C là bà Thạch Thị Mỹ N là người thừa kế vay theo hợp đồng số 7409LAV202200660/HDTD số tiền vay là 200.000.000đồng (*Hai trăm triệu đồng*), thời hạn vay là 36 tháng, mục đích vay là về chăn nuôi bò.

Để đảm bảo cho khoản vay bà Sơn Thị C có thể chấp cho A – Chi nhánh C2 các tài sản như sau: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: BM937844, cấp ngày 1/12/2012, nơi cấp Sở tài nguyên và môi trường tỉnh T, sổ vào sổ cấp GCN: CH01292, Diện tích: 3.640 m², Thửa đất số: 131, Tờ bản đồ số: 8, loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước, Thửa đất tọa lạc tại: Ấp Ô, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là: ấp Ô, xã H, tỉnh Vĩnh Long). do bà: Sơn Thị C đứng tên sử dụng và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: BM937850, cấp ngày 18/12/2012, nơi cấp UBND huyện C, sổ vào sổ cấp GCN: CH01293, Diện tích: 520 m², Thửa đất số: 328, Tờ bản đồ số: 8, loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước, Thửa đất tọa lạc tại: Ấp Ô, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là: ấp Ô, xã H, tỉnh Vĩnh Long). do bà: Sơn Thị C đứng tên sử dụng và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: BM937851, cấp ngày 18/12/2012, nơi cấp UBND huyện C, sổ vào sổ cấp GCN: CH01294, Diện tích: 100 m², Thửa đất số: 313, Tờ bản đồ số: 8, loại đất: Đất nuôi trồng thủy sản, Thửa đất tọa lạc tại: Ấp Ô, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là: ấp Ô, xã H, tỉnh Vĩnh Long). do bà: Sơn Thị C đứng tên sử dụng.

Do bà C và bà Mỹ N không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán, không đóng lãi, không trả vốn cho Ngân hàng như đã cam kết trong Hợp đồng, phía Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng bà C1, bà N cứ hứa hẹn khi nào bán đất sẽ trả nhưng không thực hiện. Từ đó phía Ngân hàng xét thấy bị ảnh hưởng đến quyền lợi nên làm đơn khởi kiện bà C, bà N.

Tại phiên tòa Ngân hàng yêu cầu bà C, bà N phải có nghĩa vụ trả số tiền vốn và tiền lãi tính đến ngày 29/4/2026 còn nợ như sau: Số tiền gốc 200.000.000đồng. Số tiền lãi là 68.542.380đồng. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 268.542.380đồng (*Hai trăm sáu mươi tám triệu năm trăm bốn mươi hai nghìn ba trăm tám mươi đồng*) và phía Ngân hàng yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh cho đến khi bà C, bà N trả hết số tiền vay còn nợ.

Theo biên bản lấy lời khai của bà Sơn Thị C bà có ý kiến trình bày như sau: Vào năm 2022 bà có vay của Ngân hàng N1 – Chi nhánh C2 – Phòng G số tiền là 200.000.000đồng (*Hai trăm triệu đồng*) mục đích vay là về chăn nuôi bò, bà là người đứng ra vay tiền còn con gái bà là Mỹ N là người thừa kế. Khi vay tiền bà có thể chấp hao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 3.640 m², Thửa đất số: 131, Tờ bản đồ số: 8, loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước, Thửa đất tọa lạc tại: Ấp Ô, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là: ấp Ô, xã H, tỉnh Vĩnh Long); Thửa đất 328 tờ bản đồ số 8 diện tích 520m² Loại đất trồng lúa nước đất tại ấp Ô, xã P, huyện C tỉnh Trà Vinh (Nay là ấp Ô, xã H, tỉnh Vĩnh Long) và thửa đất số 313 tờ bản đồ số 8 diện tích 100m² loại đất nuôi trồng thủy sản đất tại ấp Ô, xã P, huyện C, tỉnh Trà

Vinh (Nay là ấp Ô, xã H, tỉnh Vĩnh Long), các thửa đất trên do bà đứng tên quyền sử dụng đất. Sau khi vay tiền do hoàn cảnh khó khăn nên bà không có khả năng đóng lãi, không trả vốn được cho Ngân hàng đến nay. Hiện tại bà và con bà còn nợ Ngân hàng số tiền vốn 200.000.000đồng (*Hai trăm triệu đồng*) chưa trả và tiền lãi trong hạn, lãi quá như Ngân hàng đưa ra thì bà cũng đồng ý. Do con của bà là Mỹ N đi làm không xin nghỉ về được khi nào con bà về thì bà sẽ bán đất để trả nợ cho Ngân hàng.

Phía người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị Mỹ N vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không có ý kiến lời trình bày.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có người đại diện theo ủy quyền vẫn giữ lời trình bày và yêu cầu như đã nêu trên. Bị đơn bà C vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Mỹ N vắng mặt đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và đương sự có mặt không bổ sung chứng cứ gì mới tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Vĩnh Long.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên Tòa bị đơn bà Sơn Thị C vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị Mỹ N vắng mặt được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo luật định.

[3] Nội dung vụ án: Vào ngày 24 tháng 02 năm 2022 bà C và bà N có ký hợp đồng vay tiền với Ngân hàng N1 – Chi nhánh C2 – Phòng G theo hợp đồng số 7409LAV202200660/HDTD số tiền vốn gốc là 200.000.000đồng (*Hai trăm triệu đồng*), thời hạn vay là 36 tháng, mục đích vay tiền về để bà chăn nuôi bò.

Để đảm bảo cho khoản vay bà C có thể chấp cho Ngân hàng các tài sản là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: Diện tích: 3.640m² thửa đất số 131 tờ bản đồ số: 8, loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước; Diện tích 520m² thửa đất số: 328 tờ bản đồ số: 8, loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước và Diện tích đất 100m² thửa đất số 313 tờ bản đồ số: 8, loại đất: Đất nuôi trồng thủy sản các thửa đất tọa lạc tại ấp Ô, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là: ấp Ô, xã H, tỉnh Vĩnh Long) do bà Sơn Thị C đứng tên sử dụng đất. Sau khi vay tiền phía bà C, bà N không thực hiện nghĩa vụ đóng lãi, không trả vốn cho Ngân hàng mặc dù phía Ngân hàng nhiều lần nhắc nhở và yêu cầu bà C, bà N đóng lãi, trả vốn cho Ngân hàng. Trong quá trình giải quyết vụ án bà C cũng có ý kiến hiện tại bà còn nợ Ngân hàng số tiền vốn 200.000.000đồng (*Hai trăm triệu đồng*) và tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn chưa trả cho Ngân hàng, nay Ngân hàng yêu cầu thì bà cũng đồng ý trả. Nhưng do con của bà là Mỹ N đi làm ăn không về được khi nào

con bà về thì bà sẽ bán đất để trả nợ cho Ngân hàng.

[4] Xét ý kiến trình bày của các bên đương sự và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử xét thấy: Các bên đương sự đã thống nhất được số tiền vốn mà bà C, bà N hiện còn nợ Ngân hàng là 200.000.000đồng (*Hai trăm triệu đồng*) và tiền lãi phát sinh, lời khai của bà C cũng thừa nhận bà cùng con của bà là Mỹ N có vay tiền của Ngân hàng về chăn nuôi bò, nhưng đến hạn thì bà không có tiền đóng lãi, chưa trả vốn cho Ngân hàng do hoàn cảnh gia đình bà gặp khó khăn và nay bà đồng ý trả số tiền vốn, lãi theo yêu cầu của Ngân hàng đưa ra. Vì vậy, căn cứ vào Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự về chứng cứ chứng minh, Tòa án công nhận tình tiết này là sự thật, đương sự không phải chứng minh. Từ những phân tích trên Hội đồng xét thấy yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ chấp nhận, buộc bà C và bà Mỹ N có nghĩa vụ trả tiền vốn, lãi cho Ngân hàng là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu được chấp nhận nên Ngân hàng N1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Sơn Thị C là người cao tuổi nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà được miễn nộp án phí phần mà bà phải chịu.

Bà Thạch Thị Mỹ N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 274, Điều 280, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 147, Điều 161, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N1.

Buộc bà Sơn Thị C và bà Thạch Thị Mỹ N phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N1 số tiền vay còn nợ là 268.542.380 đồng (*Hai trăm sáu mươi tám triệu năm trăm bốn mươi hai nghìn ba trăm tám mươi đồng*). Trong đó tiền gốc là 200.000.000đồng (*Hai trăm triệu đồng*), tiền lãi là 68.542.380đồng (*Sáu mươi tám triệu năm trăm bốn mươi hai nghìn ba trăm tám mươi đồng*).

[2] “Kể từ ngày 30 tháng 4 năm 2026 bà Sơn Thị C và bà Thạch Thị Mỹ N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay”.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Hoàn trả lại cho Ngân hàng N1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.936.500đồng (*Năm triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn năm trăm đồng*) theo biên lai thu tiền số 0010368, ngày 24/11/2025 do Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long thu.

Buộc bà Sơn Thị C và bà Thạch Thị Mỹ N phải có nghĩa vụ nộp số tiền án phí là 13.427.000đồng (*Mười ba triệu bốn trăm hai mươi bảy nghìn đồng*). Nhưng do bà Sơn Thị C, sinh năm 1960 (Là người cao tuổi) thuộc diện được miễn án phí phù hợp theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên chấp nhận cho bà C miễn án phí dân sự sơ thẩm phần bà phải chịu với số tiền là 6.714.000đồng (*Sáu triệu bảy trăm mười bốn nghìn đồng*).

Buộc bà Thạch Thị Mỹ N phải chịu số tiền án phí dân sự với số tiền là 6.714.000đồng (*Sáu triệu bảy trăm mười bốn nghìn đồng*).

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo qui định tại Điều 174 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND Khu vực 10 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS Khu vực 10 – Vĩnh Long
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Liên